

Số: 738/2021/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 27 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 945/2021/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung và chia tài sản chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Bùi Đình H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, H1ện B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường N, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và chia tài sản chung” của ông Bùi Đình H và bà Nguyễn Thị M. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông H, bà M thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 19/5/2021. Bà M hiện đang cư trú tại phường N, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; ông H, bà M đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông H, bà M được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Bùi Đình H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, H1ện P, tỉnh Thái Bình ngày 19/10/2004. Ông H, bà M 01 con chung là cháu Bùi Đình Gia H1, sinh ngày 16/7/2005. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Bùi Đình Gia H1 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H1 trưởng thành, có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung, ông bà khai không có.

Quá trình chung sống, ông H, bà M thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đình H và bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Đình Gia H1, sinh ngày 16/7/2005 cho bà M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Tạm thời, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Đình H mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn

nhân gia đình. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0001043 ngày 27/4/2021. Ông H, bà M đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Duyên